

CA TRÙ VÀ HÁT NÓI

Phương Du Nguyễn Bá Hậu

Ca trù là một điệu hát dân gian miền Bắc có từ ngàn xưa và rất được mọi người ưa thích, nhất là ở thế kỷ 18 và 19, thời mà văn chương chữ Hán và chữ Nôm rất được thịnh hành.

Ở hậu bán thế kỷ thứ 20, vì ảnh hưởng chiến tranh ca trù hầu như bị lãng quên, nhường chỗ cho những bài hát ủy mị trữ tình hay hùng hồn kích thích lòng yêu nước. Gần đây cơ quan văn hoá quốc tế UNESCO đã công nhận ca trù là một di sản của nhân loại. Nói về ca trù ta nên phân biệt hai loại, loại do phụ nữ hay đào nương hát gọi là hát ả đào đọc chèo là ả đầu, loại do nam nghệ nhân hát gọi là hát trai.

Trong quyển Việt Nam Văn Học Sử, cụ Dương Quảng Hàm viết như sau về hát nói : "Hát ả đào có nhiều lối như dâng hương, giáo trống, gửi thư, thét nhạc v..v.. Nhưng chỉ có lối hát nói là thông dụng nhất, là có văn chương lý thú nhất. "

Thể nào là thơ hát nói.

Thơ hát nói là thơ lục bát và song thất lục bát biến thể. Muốn hiểu sự biến thể này ta lấy làm mẫu một bài hát nói quen biết " Gặp cô đầu cũ " của Dương Khuê và mười hai câu đầu trong Cung Oán Ngâm Khúc của Ôn Như Hầu:

Gặp cô đầu cũ

- 1 Hồng hồng tuyết tuyết (*cvt* cước, vận, trắc)
- 2 Mới ngày nào còn chẳng biết (*yvt* - yêu, vận, trắc) chi chi (*cvb* - cước, vận, bằng)
- 3 Mười lăm năm thắm thoát có xa gì (*cvb*)
- 4 Chợt ngảnh lại đã tới kỳ (*yvb*) tơ liễu (*cvt*)
- 5 Ngã lãng du thời quân thượng thiếu (*cvt*)
- 6 Quân kim hứa giá ngã thành ông (*cvb*)
- 7 Cười cười nói nói sượng sùng (*cvb*)
- 8 Mà bạch phát với hồng nhan (*yvb*) thường ái ngại (*cvt*)
- 9 Riêng một thú Thanh Sơn đi lại (*cvt*)
- 10 Khéo ngây ngây dại dại (*yvt*) với tình (*cvb*)
- 11 Đàn ai một tiếng dương tranh (*cvb*)

Mười hai câu Cung Oán

- 1 Trãi vách quế gió vàng hiu hắt (*cvt*)

- 2 Mảnh vũ y lạnh ngắt (*yvt*) như đồng (*cvb*)
- 3 Oán chi những khách tiêu phòng (*cvb*)
- 4 Mả xui phận bạc nằm trong (*yvb*) má đào (*cvb*)
- 5 Duyên đã may có sao lại rui (*cvt*)
- 6 Nghĩ nguồn con dờ dỏi (*yvt*) sao đang (*cvb*)
- 7 Vì đâu nên nỗi dờ dang (*cvb*)
- 8 Nghĩ mình mình lại thêm thương (*yvb*) nỗi mình (*cvb*)
- 9 Trộm nhớ thuở gây hình Tạo Hóa (*cvt*)
- 10 Vẽ phù dung một đóa (*yvt*) hoa tươi (*cvb*)
- 11 Nhụy hoa chưa mím miệng cười (*cvb*)
- 12 Gấm nang Ban đã nhạt mùi (*yvb*) thu dung (*cvb*)

Điểm giống nhau:

- 1 Hai bài thơ chia làm nhiều khổ, mỗi khổ bốn câu.
- 2 Mỗi khổ có bốn cước vận và hai yêu vận

Điểm khác nhau:

- 1 Số chữ trong những câu thơ song thất lục bát thì nhất định (7, 7, 6, 8) còn số chữ trong thơ hát nói thì không bị hạn định, từ bốn chữ đến mười hai chữ.

2 Về cách hiệp vận : thơ song thất lục bát gồm có một cước vận trắc ở câu đầu khổ, và ba cước vận bằng , còn thơ hát nói gồm hai cước vận trắc ở câu 1 và 4 và hai cước vận bằng ở câu 2 và 3.

3 Số khổ không bị hạn định nhưng khổ cuối của câu hát nói chỉ có ba câu

4 Trong bài hát nói, hai câu thơ năm và sáu của khổ thứ hai phải là hai câu thơ ngũ ngôn hay thất ngôn, thường thường hai câu thơ đó là những câu thơ đối nhau về thanh và ý.

Văn chương thơ hát nói

Muốn biết giá trị văn chương của một bài thơ, người ta thường để ý tới những tiêu chuẩn sau đây: giàu vần, giàu điệu, lời hay, ý đẹp. Bốn tiêu chuẩn đó thường được hội đủ trong những bài thơ hát nói.

a) Giàu vần giàu điệu

Để dẫn chứng, ta hãy lấy làm mẫu bài thơ Nhớ rừng của Thế Lữ và bài thơ trên của Dương Khuê. Hai bài này đều thuộc loại thơ tự do có những điểm giống nhau:

- 1 Số chữ trong câu thơ không bị hạn định
- 2 Câu thơ nào cũng có cước vận
- 3 Cách hiệp vận như nhau, hai cước vận trắc xen với hai cước vận bằng

Nhưng hai bài đó khác nhau ở những điểm sau đây :

1 Bài hát nói giàu vần hơn vì có yêu vận ở những câu chẵn (2,4).

2 Hát nói giàu điệu hơn vì gồm có nhiều thể thơ và mỗi thể thơ có một điệu riêng để ngâm, hát hay nói: thể phú tứ tự (câu số 1), song thất biến thể (câu 2,3,4), thơ thất ngôn (câu 5, 6) v..v...

Nhiều bài hát nói có phần mào đầu (mưỡu) gồm hai hay bốn câu lục bát :
Gió trăng chứa một thuyền đầy,

Của kho vô tận biết ngày nào voi

(Mưỡu đơn trong bài hát nói Vịnh Tiền Xích Bích của Nguyễn Công Trứ)

Lênh đênh dưới nước trên trời

Quanh thuyền trắng gió một vài ông thơ,

Bút nghiên để sẵn bao giờ

Đề câu tuyệt diệu còn nhờ tay ai

(Mưỡu kép trong bài hát nói

Hồ Hoàn Kiếm của Hoàng Cảnh Tuân)

b) Lời hay ý đẹp

Lời hay ý đẹp trong những bài thơ không gì đẹp bằng những câu thơ có phần đối về thanh và về ý :

1) Thơ lục bát của Nguyễn Du trong truyền Kiều hay vì có nhiều phần đối:

Khi chén rượu khi cuộc cờ

Khi xem hoa nở khi chờ trăng lên

Khi tựa gối khi cúi đầu

!Khi vò chín khúc khi chau đôi mày

2) Thơ song thất lục bát của Ôn Như Hầu trong Cung Oán cũng có hai câu thơ đối nhau(câu 1 và câu 2) :

Mùi phú quý dư làng xa mã

Bả vinh hoa lừa gã công khanh

Giác Nam Kha khéo bất bình

Bùng con mắt dậy thấy mình tay không.

3) Thơ Alexandrin của Pháp cũng vậy, nhưng chỉ có đối ý chứ không có đối thanh :

À vaincre sans péril on triomphe sang gloire... (Corneille)

Un seul être vous manque et tout est dépeuplé. (Lamartine)

4) Trong bài thơ hát nói nào cũng có hai câu thơ 5, 6 đối nhau :

Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái

Lũng lơ khe Yên cá nghe kinh

(Phong cảnh Hương Sơn - Chu Mạnh Trinh)

Ngã lãng du thời quân thượng thiếu
Quần kim hứa giá ngã thành ông
(Gặp cô đầu cũ – Dương Khuê)

Vì có hai câu thơ 5,6 đối nhau cho nên người ta gọi hát nói là văn chương bác học. Thật vậy, muốn cho phần đối được chỉnh, tác giả phải có nhiều kiến thức, cho nên phần đông các thi sĩ làm thơ hát nói là những vị đại khoa bảng như Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Cao Bá Quát v.v.. Hơn nữa tác giả thường dùng nhiều điển tích lấy trong văn chương và lịch sử nước ta hay nước Tàu cho nên người đọc phải có nhiều kiến thức.

Hát nói có nhiều lý thú

Hát nói có lý thú cho độc giả thì ít và cho tác giả thì nhiều. Thật vậy người đọc có thích thú được đọc những câu thơ linh động đôi khi được nghe bằng giọng hát điệu luyện của những đào nương chuyên nghiệp phụ họa bằng tiếng đàn tiếng phách. Còn đối với tác giả thì có nhiều lý thú sau đây :

1. Tác giả có thú tham dự trực tiếp vào cuộc hát bằng tiếng trống cầm châu:

*Vất chân ngồi bạn với khách cầm ca
Cuộc tình say bầu rượu chén trà
Con đắc ý thùng thùng đôi tiếng trống.*

(Thú Thanh Nhân của Nguyễn Công Trứ)

2. Tác giả có cái thú được hoàn toàn tự do sáng tác về hình thức cũng như nội dung:

*Ngoài vòng cương tỏa chân cao thấp
Trong thú yên hà mặt tỉnh say.*

Về hình thức, nhờ tài dung hợp các thể thơ tác giả có cái thú dùng nhiều thể thơ trong một bài, và mỗi một thể thơ có một điệu riêng để ngâm, đọc hay hát. Ở phần trước ta ngâm theo thể lục bát. Ở câu số 1 (hồng hồng tuyết

tuyết) ta ngâm theo thể đường phú tứ tự. Ở câu 2, 3, 4 ta ngâm theo song thất biến thể, đến câu 5, 6 ta ngâm theo thể đường thi thất ngôn, rồi trở lại thể song thất biến thể. Có khi câu thơ gồm quá nhiều chữ ta ngâm không được nên phải nói, vì thế mới có danh từ Hát nói.

Ví dụ trong bài Ngán Đồi, Cao Bá Quát viết một câu dài 12 chữ (Duy giang thượng chi thanh phong, dữ sơn gian chi minh nguyệt), hay trong bài Vịnh Tiền Xích Bích của Nguyễn Công Trứ có câu dài 11 chữ : (Sực nhớ kẻ quay ngọn giáo vịnh câu thơ thừa trước).

Về nội dung, tác giả có cái thú nói đến cái ta một cách hồn nhiên không mặc cảm:

Ngã lãng du thời quân thượng thiếu
(Dương Khuê).

Ngã dục tiêu sầu thả tự do (Tản Đà)
Thú xuất trần tiên vẫn là ta (Nguyễn Công Trứ).

Không phải bị ràng buộc bởi luân lý Khổng Mạnh, tác giả nói đến những cái thú vui rượu chè ca hát, chẳng hạn như:

*Đánh ba chén rượu khoanh tay giặc
Ngâm một câu thơ vỗ bụng cười.*
(Thú Rượu Thơ - Nguyễn Công Trứ).

Hay

*Say chưa say mới thú
Hỏi làng say ai đã đủ thú say* (Thú Say Sưa).

Hoặc

*Thôi công đâu chuốc lấy sự đời
Tiêu khiển một vài chuông lếu láo*
(Uống Rượu Tiêu Sầu - Cao Bá Quát)
Cái say của thi sĩ không phải là cái say của kẻ nghiện, mà là cái say chốc lát để quên sầu :
*Túy ông ý chẳng say vì rượu
Say vì đâu nước thấm với non cao
Non lặng ngắt nước tuôn ào
Tôi với bác xưa nay cùng thích thế.*
(Nguyễn Khuyến).

Nhưng phần nhiều tác giả nói đến thú thanh cao:
Cầm kỳ thi tửu hay phong hoa tuyết nguyệt.
Vườn Bùn chốn cũ
Bốn mươi năm lụ khụ lại về đây
Trong ngoài sân đua nở mấy chồi cây
Thú khâu hác lâm tuyền âu cũng thế.
(Trở Về Vườn Cũ - Nguyễn Khuyến).

Riêng vui thú giang sơn phong nguyệt
Mặc sa mã thị thành không dám biết
Thú yên hà trời đất để riêng ta
Nào ai ai biết chăng là.
(Nguyễn Công Trứ)

Tác giả khi dùng thể thơ hát nói, có cái thú dùng bút thuật “chi ngôn” để chia sẻ trực tiếp những kinh nghiệm của mình với người đọc. Nếu dùng bút thuật “dụ ngôn” hay “ẩn dụ”, người đọc phải dày công suy nghĩ, để tránh khỏi sự ngộ nhận. Trong hai bài hát nói sau đây cụ Nguyễn công Trứ đã dùng bút thuật “chi ngôn” này để nói lên những quan niệm về nhân sinh. Trong bài Nợ Nam Nhi, bằng hai câu thơ :

Tang công hồ thị nam nhi trái
Cái công danh là cái nợ nần

tác giả, cho ta biết ý niệm về cái công danh: nó chỉ là món nợ mà ai cũng phải trả với tổ quốc. Thắng được kẻ thù là công của tất cả mọi người lâm trận nhất là những người đã phải hy sinh tính mạng, họ đáng được người đời biết ơn và kính nhớ hơn là những người không bị tử trận.

Trong bài Đồng Tiền, hai câu mở đầu:

Hôi tanh chẳng thú vị gì
Thế mà ai cũng kể vì người yêu

tác giả cho ta biết quan niệm về đồng tiền: đồng tiền kiếm được một cách bất chính là đồng tiền hôi tanh (argent sale). Nếu ta quá chú trọng đến đồng tiền, ta sẽ trở nên ích kỷ, mất tình thương để làm những điều thất đức như bắt công, tham nhũng, một tệ nạn làm xuy bại đất nước.

Tiến trình của hát nói

Thể kỷ thứ 18 và 19: Hát nói rất được nhiều nhà thơ chiếu cố. Họ là những vị đại khoa bảng như các cụ Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Khuyến, Dương Khuê, Cao Bá Quát hay những nhà thơ danh tiếng như Trần Tế Xương, Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu ...

Thể kỷ 20: Vì ảnh hưởng tây học ở tiền bán thế kỷ, các thi sĩ ưa sáng tác những bài thơ có tính cách lãng mạn nặng về tình cảm cho nên hát nói ít được xử dụng. Ở hậu bán thế kỷ vì tình trạng chiến tranh hát nói gần như bị rơi vào lãng quên. Tuy nhiên trong làng thơ hải ngoại cũng thấy có một vài vị cho đăng những bài hát nói trên tạp chí Lá Thư Bô Lão (LTBL) phát hành ở Gia nã đại.

LTBL số 7 1981 : Lo Gì Không Hứng (Bùi Diệp), Tranh Vân Cầu (Tước Lâm)

LTBL số 22 1984 : Non Trách Nước, Vịnh Bà Tú Xuyên (Y Vân Từ), Vịnh Búp Bê (Tôn Nữ Chung Anh).

LTBL số 23 1984 : Tình đời (Phạm Quang Oanh), Cao Niên Cao Kiến (Hậu Điền Nguyễn Dậu)

LTBL số 24 1985 : Nhớ Ty Nạn Hồng Kông (Minh Hiệu)

Trong Ba Lê Thi Xã: có những quý vị sau đây:

Đào Trọng Đù (Mong Cho Bé Ai Thêm Đây)

Đỗ Quang Trị (Tặng Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Mạnh Tường)

Nguyễn Thường Xuân (Cũng Vì Hai Chữ Tri Âm)

Song Thái Phạm Công Huyền (Hay Thay Châm Cứu)

Phương Du Nguyễn Bá Hậu, sáng tác năm bài thơ hát nói đăng trong Thi Tập Tha Hương xuất bản năm 1986: Bả Giàu Sang (tiếng hát của Nghệ Sĩ Diệu Khánh đã được ghi trong băng cassette Tình Thương I), Khóc Mỹ Nhân (do Nghệ Sĩ Ưu Tú Thanh Hoài hát và ghi trong CD Tình Thương II), Cầm

Nghĩ Về Luật Phá Thai, Hội Nghị Ba Lê,
Việt Nam Đau Thương.

Sau đây là bài:

Bả giàu sang của Phương Du

*Thương thay những kẻ ham giàu,
Làm như trâu ngựa bù đầu quên ăn.
Quanh năm vất vả nhọc nhằn,
Đến khi bóng xế thân cần tri hao
Tiền tiền bạc bạc
Ở đời này nên gác sự giàu sang,
Nhiều tiền bạc mà vất vả hết mơ màng.
Đời ngắn ngủi xuống xuôi vàng thảy đều sẽ mất.
Khôn dại cùng chung ba thước đất
Giàu sang chưa chín một nồi kê.
Bạc vàng lắm kẻ quá ham mê.
Mê đến nỗi cá chép tình cốt nhục.
Nghe Phật dạy ta nên diệt dục,
Theo Lão Trang thoát tục thành tiên.
Vị chi ta chớ tham tiền.*

(Phương Du)

Thi hữu Nguyễn Thường Xuân và Đào Trọng Đù đã cùng nhau làm thơ hát nói xướng họa vào dịp xuân năm 1987.

Bài xướng

Tri âm

*Cũng vì hai chữ tri âm
Vắng buồn xa nhớ âm thầm ai ơi
Biết nhau chốc sáu năm trời
Còn bao hứa hẹn của người tôi yêu
Tám hai chín một
Mới ngày nào mà đã ngót trăm ư !
Bước đường kia xem vẫn hầy còn dư.
Đào Xuân nọ cứ khư khư ôm ấp nhĩ.
Mặc sâu tiền lộ vô tri kỷ
Thiên hạ hà nhân bắt thức quân.
Chẳng qua là nợ bút với duyên văn.
Nặng hơn cả khối tình chẵn với gói.
Nam bắc đông tây gần trời trăm lối
Cũng tìm nhau sớm tối ca ngâm,*

*Cũng vì hai chữ tri âm.
(Nguyễn Thường Xuân)*

Bài họa

Cô Đào họa thơ Cụ Đạo

*Cô Đào lên tiếng đồng âm
Họa thơ Cụ Đạo vẫn thâm vẫn ời
Nhan đề dưới đất trên trời
Cho người ta thích cho người ta yêu.
Ta yêu đều đừng một
Gần trăm còn sót sót vội hơn ư !
Vịnh thơ đường cùng thích hạ vẫn dư
Cùng đeo kính trông khư như hết nhĩ.
Cô Đào Tây Đức wa tràng kỷ
Cụ Đạo Ba Lê thích trống quân
Bào cô Đào ngồi ghé viết thành văn
Rồi cao hứng trùm chân toan giỡn gói
Thi sĩ thấy hai nhà ngâm đủ lối
Cầu trời cho chóng tới để cùng ngâm
Cô Đào lên tiếng đồng âm...*

(Đào Trọng Đù)

Trên đây là những nhận xét về thơ hát



nói, một thể thơ, theo nhà học giả Dương Quảng Hàm, có nhiều văn chương, nhiều lý thú. Mong rằng rồi đây các thi sĩ sẽ nối gót các thi hào xưa tiếp tay sáng tác những bài thơ làm sống lại điệu hát ca trù, điệu hát dân gian đầy lý thú từng làm rạng rỡ một thời nền văn học nước nhà.

Phương Du Nguyễn Bá Hậu
(Paris)

THƯ TỪ

Muốn nói cùng em cả vạn điều
Mà rồi chẳng nói được bao nhiêu,
Mặc dù đã định trong tâm trước
Mà gặp nhau là ý bạt phiêu!

Cũng có vài điều có nhớ ra
Mà vì bên cạnh lắm người ta,
Và vì thẳng mặt mà phân-tích
Thì quá... số-sàng, quá... khổ-qua...

Nên mượn lời thơ để giải-bày
Nỗi lòng ấp-ủ bấy lâu nay ...
Em ơi, bình-tĩnh nghe anh nói:
Ta hãy vươn lên khỏi cảnh này!

Ta đã yêu nhau thuở trẻ-trung,
Xây nên tổ ấm đẹp vô cùng.
Cõi trần ví thử bình-yên cả
Thì đã trọn đời hưởng phúc chung.

Với bát cơm ngon, tấm áo lành,
Người đời bắt buộc phải đua tranh.
Phũ-phàng cuộc sống làm lem-lấm
“Hai trái tim vàng, một mái tranh”.

Anh cứ ngây-ngây đại-dại hoài,
Lợi-quyền cấp-chức gác ngoài tai.
Nửa đời mẫn-cán cam cơ-cực,
Đơn độc khư-khư luyện đức+tài (!)

Anh đã (là khôn hay dại đây?)
Nằm ngoài tất cả mọi vòng vây .
Thức trong giấc ngủ, trong mơ tỉnh;
Bảo-bọc hồn hoa trong xác cây.

Anh đã (đương-nhiên là dại rồi!)
Tự mình đày đọa chính mình thôi!
Lại còn ép-uổng con và vợ
Thiếu-thốn quanh năm chật-vật hoài.

Bạn-lúa: đô-la với hạt xoàn!
Chồng người: đại-phú với cao-quan!
Chồng em thủ-phận nghèo, cô-thế;
Chẳng chịu chen chun, chỉ chịu gàn!

Đến lúc đem thân đi ở tù
Anh không để lại một đồng xu!
Một mình mọi việc em lo-liệu;
Viễn-ảnh tương-lai quá mịt-mù.

Em đã lo cho con học-hành
Lại còn lo tiếp-tế cho anh.
Hùn hoài tổ-hợp hàng không chạy;
Bụng hiểm khi no, bệnh khó lành!

Thân-thích lià xa hoặc mặt-thời;
Gia-tài sự-nghiệp hóa ma-trơi!
Nhà không bán được, người ta chiếm!
Thuế nặng, hàng cao, chạy huyệt hơi!

Con lớn theo nhau đi lấy chồng,
Còn đàn con nhỏ yếu gia-công.
Em ngày một mệt, đau, gầy, yếu:
Cực-khổ trăm đường, chịu nổi không?

Em ạ! Ngày xưa, gái góa chồng:
Ba năm* tang-chế thế là xong!
Khổng Nho nghiêm-nghiệt chuyên vây thắt
Mà đã buông lơ cả một vòng!

Anh có còn gì để lại đâu?
Cho em: chỉ một khối ưu sầu!
Năm năm* đăng đăng là thôi hết:
Môi đã phai son, má nhạt màu!
**Thế mà tác-giả đã bị "cải-tạo" hơn 12 năm!*

Anh gửi về em lòng nhớ ơn,
Và lời... tạ tội — Biết gì hơn!
Cầm như anh đã thành thiên-cổ:
Sông đã voi khô, núi đã sừng!

Hãy gạt anh ra khỏi cuộc đời!
Đừng còn bận-bịu nữa, em ơi!
Vai gầy gánh nợ khôn kham nặng:
Em có toàn-quyền thở, thành-thời!

Có rẽ chia nào không đón đau?
Lấy lòng mà hiểu chút lòng nhau:
Chấp-kinh đành phải tòng-quyển vậy!
Lỡ một hành-nhân: lọt cả tàu ...

Rồi, một ngày kia... em sẽ quên,
Như hơi gió nhẹ thoáng ngoài hiên,
Bớt buồn rưng-rức trong muôn một
Mới vội trong anh mới muộn phiền!...

“Nhà Trắng” (Thôn 5) 1980

THANH-THANH

(Lê Xuân Nhuận - California)

SOVEREIGN REALTY, INC.,

3907 ANNANDALE RD., ANNANDALE, VA 22003

TEL: 703-941-3650 FAX: 703-941-4692



CELL: (703) 598-6374

DIANA NGUYEN

ASSOCIATE BROKER

NVAR, TOP PRODUCER

MEMBER OF MILLION DOLLAR PRESIDENT'S CLUB

NVAR, MULTI-MILLION DOLLAR SALES CLUB

CHUYÊN VIÊN ĐỊA ỐC NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

UY TÍN, KÍN ĐÁO, TẬN TÂM

SẼ GIÚP QUÝ VỊ HÀI LÒNG VỀ NHU CẦU ĐỊA ỐC